

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÁT XÁT
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/DS – ST
Ngày 01 tháng 02 năm 2024.
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁT XÁT, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Duy Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà: Trương Thị Tuyết.

Bà Phàn Thị Cờ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Lý - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trung Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 23/2023/TLST - DS ngày 20 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXXST - DS ngày 29 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST – DS ngày 16/01/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N Việt Nam.

Địa chỉ: Số 02, L, phường Thg, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân H – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N Việt Nam, Chi nhánh huyện B, Lào Cai II.

Địa chỉ: Tổ 4, đường H, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lào Cai.

(theo quyết định số 2664/QĐ-NHNo-PC và Quyết định số 2665/ QĐ-NHNo-PC cùng ngày 01/12/2022 của Ngân hàng N Việt Nam v/v ủy quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của người đại diện theo pháp luật và Ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án).

2. Bị đơn:

- Bà: Đào Thị Nh; sinh năm 1954

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà: Lê Thị H; sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện gửi Tòa án ngày 20/10/2023 và đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung ngày 08/11/2023 nguyên đơn Ngân hàng N Việt Nam (gọi tắt là Ngân hàng Agribank) trình bày:

Ngân hàng N Việt Nam, Chi nhánh huyện B Lào Cai II và bà Đào Thị Nh cùng con gái Lê Thị H có ký hợp đồng tín dụng số 8803LAV202001611 lập ngày 26/8/2020 (chị Lê Thị H đã ủy quyền cho bà Đào Thị Nh ký hợp đồng tín dụng theo văn bản ủy quyền lập ngày 26/8/2020) số tiền cho vay 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng. Mục đích vay sửa chữa nhà ở. Thời hạn cho vay 60 tháng; hạn trả cuối cùng ngày 26/8/2025. Lãi suất cho vay áp dụng là 12% /năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; trả lãi tiền vay hàng tháng vào ngày 25. Số tiền trên định kỳ trả nợ gốc, lãi là 5 kỳ, mỗi kỳ 12 tháng, mỗi kỳ trả 40.000.000 đồng, kỳ 1 phải trả là ngày 25/8/2021; nhưng bà Nhân đã không trả được và đã được Ngân hàng đồng ý cơ cấu lại thời hạn trả nợ đến ngày 25/08/2022, số tiền gốc phải trả là 80.000.000 đồng. Đến ngày 25/08/2022 bà Nhân không trả được nợ, cộng với việc tiền lãi phải trả vào ngày 25 hàng tháng nhưng khách hàng cũng vi phạm không trả được nên toàn bộ dư nợ tại các hợp đồng tín dụng đã nêu trên đều bị chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 25/08/2022. Sau nhiều lần đôn đốc thực hiện nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng có các biên bản làm việc, thông báo chuyển nợ quá hạn nhưng khách hàng bà Đào Thị Nh và con gái Lê Thị H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi khoản vay tại Agribank Chi nhánh huyện Bát Xát Lào Cai II.

Nay đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai buộc khách hàng bà Đào Thị Nh và con gái Lê Thị H thực hiện nghĩa vụ hoàn trả đầy đủ toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi tiền vay (kể cả lãi quá hạn) cho Agribank chi nhánh huyện Bát Xát, Lào Cai II theo hợp đồng tín dụng đã nêu trên.

Số tiền vay đã quá hạn tạm tính lãi đến ngày khởi kiện 17/10/2023, cụ thể: Tiền gốc 198.000.000 đồng; Số tiền lãi phải trả: 71.603.805 đồng trong đó lãi suất trong hạn: 66.085.397 đồng và lãi suất quá hạn: 5.518.408 đồng; Tổng cộng cả gốc và lãi 271.603.805 đồng.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 31/01/2024 Ngân hàng Agribank có quan điểm:

Ngân hàng Agribank yêu cầu bà Đào Thị Nh và chị Lê Thị H phải trả số tiền gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn tạm tính đến ngày 01/02/2024 cộng cả gốc và lãi 278.707.422 đồng, trong nợ gốc 198.000.000 đồng, lãi 80.707.422 đồng, trong đó lãi trong hạn 73.087.480 đồng, lãi quá hạn 7.619.942 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/12/2023 bị đơn bà Đào Thị Nh trình bày:

Bà Nhân xác nhận có vay ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 8803LAV202001611 lập ngày 26/8/2020, cùng vay với bà có chị Lê Thanh Huyền là con, khi ký hợp đồng một mình bà ký, chị Lê Thị H đã ủy quyền cho bà ký, theo giấy ủy quyền lập ngày 26/8/2020; vay số tiền 200.000.000 đồng; lãi cho vay 12%/năm; thời hạn vay 60 tháng, thỏa thuận trả làm 5 kỳ, mỗi kỳ 12 tháng, trả 40.000.000 đồng gốc, trả vào ngày 25/8 hàng năm 2021; 2022; 2023; 2024 và ngày trả nợ cuối cùng 25/8/2025.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Ngày 06/9/2023 bà Nhân đã trả được số tiền gốc là 2.000.000 đồng; số tiền lãi đã trả đến hết ngày 15/12/2020 là 9.409.314 đồng; đến nay số tiền gốc chưa trả là 198.000.000 đồng; Số tiền lãi từ ngày 16/12/2020 đến nay chưa trả;

Theo đơn khởi kiện Ngân hàng tạm tính đến ngày 17/10/2023 là Tiền gốc 198.000.000 đồng; Số tiền lãi phải trả: 71.603.805 đồng trong đó lãi suất trong hạn: 66.085.397 đồng và lãi suất quá hạn: 5.518.408 đồng; Tổng cộng cả gốc và lãi 271.603.805 đồng là đúng,

Đến nay chị Huyền đi làm ăn xa nhà, không biết đi làm ở đâu, còn lại một mình bà ở nhà vì vậy gia đình rất khó khăn, chưa có tiền để trả ngân hàng, bà đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho trả dần.

Đối với bị đơn chị Lê Thị H (con bà Đào Thị Nh) không có mặt tại nơi cư trú, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật, nhưng chị Huyền không đến và không có văn bản trả lời.

Đối với vụ án này Tòa án không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa:

Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát có quan điểm:

Thẩm phán, hội đồng xét xử giải quyết vụ án dân sự tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, đảm bảo việc giải quyết vụ án dân sự kịp thời, đúng pháp luật, thu thập chứng cứ đúng theo qui định pháp luật. Thư ký phiên toà và nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chị Lê

Thị H chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 và 73 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 91; 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Án lệ số 08/2016 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đề xuất giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Buộc bị đơn là bà Đào Thị Nh và chị Lê Thị H phải trả cho Ngân hàng N Việt Nam tổng số tiền là nợ lãi trong hạn: Tổng cộng cả gốc và lãi 278.707.422 đồng. Trong đó dư nợ gốc 198.000.000 đồng, dư nợ lãi 80.707.422 đồng, trong đó lãi trong hạn 73.087.480 đồng, lãi quá hạn 7.619.942 đồng theo hợp đồng tín dụng số 8803LAV202001611 lập ngày 26/8/2020.

Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Đào Thị Nh và chị Lê Thị H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Đào Thị Nh và chị Lê Thị H có vay của Ngân hàng N Việt Nam, Chi nhánh Bát Xát, Lào Cai 2 (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Agribank Bát Xát) số tiền gốc là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng; khi vay hai bên có ký 01 hợp đồng tín dụng. Mục đích vay sửa chữa nhà ở, hợp đồng tín dụng được ký kết phát sinh trong giao dịch dân sự, khi thực hiện hợp đồng các bên thực hiện tại huyện Bát Xát, Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai thụ lý vụ án giải quyết tranh chấp về dân sự là phù hợp với khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng Agribank và bị đơn bà Đào Thị Nh có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Lê Thị H vắng mặt lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ; Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự ở trên.

[3] Về nội dung khởi kiện:

Theo lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn xuất trình thể hiện bà Nh và chị H có ký với Ngân hàng Agribank một hợp đồng tín dụng số 8803LAV202001611 lập ngày 26/8/2020 vay số tiền 200.000.000 đồng.

[4] Xét về hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng tín dụng số 8803LAV202001611 lập ngày 26/8/2020 được ký kết giữa bà Đào Thị Nh và Ngân hàng Agribank (chị Lê Thị H đã ủy quyền cho bà Đào Thị Nh ký hợp đồng tín dụng theo văn bản ủy quyền lập 26/8/2020) số tiền cho vay 200.000.000 đồng.

Hợp đồng tín dụng đã được bà Nhân và chị Huyền cùng Ngân hàng Agribank ký kết trên tinh thần tự nguyện. Hình thức, nội dung của hợp đồng tín dụng phù hợp với Điều 463 Bộ Luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, người ký hợp đồng phù hợp với **Quyết định số 69/NHNo.UQ ngày 01/8/2018 của Ngân hàng Agribank Bất Xát về** việc ủy quyền ký kết các hợp đồng tín dụng. Như vậy hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Agribank Bất Xát và bà Nhân, chị Huyền được thực hiện đúng qui định của pháp luật.

[5] Quá trình thực hiện hợp đồng:

Đối với hợp đồng tín dụng số 8803LAV202001611 lập ngày 26/8/2020, vay 200.000.000 đồng, số tiền cho vay 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng. Mục đích vay sửa chữa nhà ở. Thời hạn cho vay 60 tháng; hạn trả cuối cùng ngày 26/8/2025. Lãi suất cho vay áp dụng là 12% /năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; trả lãi tiền vay hàng tháng vào ngày 25. Số tiền trên định kỳ trả nợ gốc, lãi là 5 kỳ, mỗi kỳ 12 tháng, mỗi kỳ trả 40.000.000 đồng, kỳ 1 phải trả là ngày 25/8/2021; nhưng bà Nhân đã không trả được và đã được Ngân hàng đồng ý cơ cấu lại thời hạn trả nợ đến ngày 25/08/2022, số tiền gốc phải trả là 80.000.000 đồng. Đến ngày 25/08/2022 bà Nhân không trả được nợ, cộng với việc tiền lãi phải trả vào ngày 25 hàng tháng nhưng bà Nhân cũng vi phạm không trả được nên toàn bộ dư nợ tại các hợp đồng tín dụng đã nêu trên đều bị chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 25/08/2022.

Tại các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình thể hiện giữa hai bên có thỏa thuận theo chu kỳ trả nợ như ở trên, kỳ 1 phải trả là ngày 25/8/2021 nhưng bà Nhân đã không trả được và đã được Ngân hàng đồng ý cơ cấu lại thời hạn trả nợ đến ngày 25/08/2022, số tiền gốc phải trả là 80.000.000 đồng, ngày 06 tháng 9 năm 2023 bà Nhân đã trả được 2.000.000 đồng tiền nợ gốc, số tiền gốc còn lại chưa trả, như vậy bà Nhân, chị Huyền vi phạm thanh toán nợ gốc 2 kỳ là 80.000.000 đồng, lãi thanh toán đến hết ngày 15/12/2020. Bà Nhân và chị Huyền vi phạm thỏa thuận tại khoản 2 Điều 5 trong hợp đồng tín dụng. Ngân hàng Agribank khởi kiện yêu cầu bà Nhân và chị Huyền phải trả khoản nợ vi phạm trước thời hạn là phù hợp với điểm b khoản 1 Điều 6 trong hợp đồng tín dụng và khoản 1, 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[6] Từ phân tích ở trên, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Agribank buộc bà Nhân và chị Huyền thanh toán tiền nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn. Cụ thể được tính như sau:

* Tiền lãi trong hạn tính như sau:

+ Tính từ 16/12/2020 đến 14/7/2021 là 211 ngày, lãi suất 12%/năm:

- Lãi suất trong hạn tiền gốc 200.000.000 đồng x 12% : 365 ngày x 211 ngày = 13.873.973 đồng.

+ Tính từ 15/7/2021 đến 31/12/2021 là 170 ngày, lãi suất được điều chỉnh theo văn bản số 6338/NHNo -TD ngày 14/7/2021 của Ngân hàng N Việt Nam v/v tiếp tục giảm lãi suất cho vay đối với khách hàng do diễn biến dịch covid - 19:

- Lãi suất trong hạn tiền gốc 200.000.000 đồng x 10.80% : 365 ngày x 170 ngày = 10.060.274 đồng.

+ Tính từ ngày 01/01/2022 đến 30/11/2022 là 334 ngày, lãi suất 12.0%/năm:

- Lãi suất trong hạn tiền gốc 200.000.000 đồng x 12,0% : 365 ngày x 334 ngày = 21.961.644 đồng.

+ Tính từ ngày 01/12/2022 đến 31/12/2022 là 31 ngày, lãi suất 9.6%/năm:

- Lãi suất trong hạn tiền gốc 200.000.000 đồng x 9.6% : 365 ngày x 31 ngày = 1.630.685 đồng.

+ Tính từ ngày 01/01/2023 đến 14/05/2023 là 134 ngày, lãi suất 12%/năm:

- Lãi suất trong hạn tiền gốc 200.000.000 đồng x 12,0% : 365 ngày x 134 ngày = 8.810.959 đồng.

+ Tính từ ngày 15/05/2023 đến 05/09/2023 là 114 ngày, lãi suất 11.5%/năm:

- Lãi suất trong hạn tiền gốc 200.000.000 đồng x 11.5% : 365 ngày x 114 ngày = 7.183.561 đồng.

+ Tính từ ngày 06/09/2023 đến 30/09/2023 là 25 ngày, lãi suất 11.5%/năm: Ngày 06 tháng 9 năm 2023 bà Đào Thị Nh đã trả được 2.000.000 đồng tiền gốc, như vậy gốc còn 198.000.000 đồng.

- Lãi suất trong hạn tiền gốc 198.000.000 đồng x 11.5% : 365 ngày x 25 ngày = 1.559.589 đồng.

+ Tính từ ngày 01/10/2023 đến 31/01/2024 là 123 ngày, lãi suất 12%/năm:

- Lãi suất trong hạn tiền gốc 198.000.000 đồng x 12,0% : 365 ngày x 102 ngày = 6.427.397 đồng.

Tổng lãi trong hạn là 73.087.480 đồng.

* Tiền lãi quá hạn được tính như sau:

+ Tính từ ngày 26/08/2022 đến 30/11/2022 là 97 ngày, lãi suất 6%/năm:
- Lãi suất quá hạn tiền gốc 78.000.000 đồng x 6,0% : 365 ngày x 97ngày = 1.243.726 đồng.

+ Tính từ ngày 01/12/2022 đến 31/12/2022 là 31 ngày, lãi suất 4.8%/năm:
- Lãi suất quá hạn tiền gốc 78.000.000 đồng x 4.8% : 365 ngày x 31ngày = 317.984 đồng.

+ Tính từ ngày 01/01/2023 đến 14/05/2023 là 134 ngày, lãi suất 6%/năm:
- Lãi suất quá hạn tiền gốc 78.000.000 đồng x 6% : 365 ngày x 134ngày = 1.718.137 đồng.

+ Tính từ ngày 15/05/2023 đến 25/08/2023 là 103 ngày, lãi suất 5.75%/năm:
- Lãi suất quá hạn tiền gốc 78.000.000 đồng x 5.75% : 365 ngày x 103ngày = 1.265.630 đồng.

+ Tính từ ngày 26/08/2023 đến 30/09/2023 là 36 ngày, lãi suất 5.75%/năm:
- Lãi suất quá hạn tiền gốc 78.000.000 đồng x 5.75% : 365 ngày x 36 ngày = 669.205 đồng.

+ Tính từ ngày 1/10/2023 đến 01/02/2024 là 124 ngày, lãi suất 6%/năm:
- Lãi suất quá hạn tiền gốc 118.000.000 đồng x 6% : 365 ngày x 124 ngày = 2.405.260 đồng.

Tổng lãi quá hạn là 7.619.942 đồng.

Như vậy tính đến hết ngày 01/02/2024 bà Đào Thị Nh và chị Lê Thị H còn dư nợ của hợp đồng tín dụng số 8803-LAV-202001611 là:

Gốc phải trả là 198.000.000 đồng,

Nợ lãi trong hạn: 73.087.480 đồng

Nợ lãi quá hạn: 7.619.942 đồng

Tổng cả gốc và lãi là: 278.707.422 (hai trăm bảy mươi tám triệu, bảy trăm linh bảy nghìn, bốn trăm hai mươi hai đồng) đồng.

[7] Về án phí:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp .

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức án phí có giá ngạch đối với yêu cầu tranh chấp hợp đồng tín dụng;

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 07 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo quyết định số 698/QĐ – CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối Cao.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N Việt Nam.

Bà Đào Thị Nh và chị Lê Thị H có trách nhiệm liên đới thanh toán tiền nợ gốc, tiền lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn cho Ngân hàng N Việt Nam tại hợp đồng tín dụng số 8803LAV202001611 lập ngày 26/8/2020 tạm tính đến hết ngày 01/02/2024 là:

- Gốc phải trả là 198.000.000 đồng,
- Lãi trong hạn 73.087.480 đồng,
- Lãi quá hạn 7.619.942 đồng.

Tổng cả gốc và lãi là 278.707.422 (hai trăm bảy mươi tám triệu, bảy trăm linh bảy nghìn, bốn trăm hai mươi hai) đồng.

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1 Ngân hàng N Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.790.000 (sáu triệu bảy trăm chín mươi nghìn) đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002498 ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

2.2 Bà Đào Thị Nh và chị Lê Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hợp đồng tín dụng là 13.935,371 (mười ba triệu, chín trăm ba mươi năm nghìn, ba trăm bảy mươi một) đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành.

Nơi nhận:

- TA, VKS tỉnh;
- VKSND huyện Bát Xát;
- Đương sự (3);
- THA DS (2);
- Lưu TA, VP, HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Duy Chiến

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÁT XÁT
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bát Xát, ngày 21 tháng 12 năm 2020

Số: /2020/QĐ – SCBSBA

**QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁT XÁT, TỈNH LÀO CAI

Căn cứ vào Điều 268 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung bản án do lỗi rõ ràng về chính tả trong bản án số 07/2020/DS - ST ngày 03/12/2020 của Toà án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai đã xét xử sơ thẩm vụ án Dân sự giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N Việt Nam.

Địa chỉ: Số 02, Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Thành, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân Hải - Giám đốc Ngân hàng N Việt Nam, chi nhánh huyện Bát Xát, Lào Cai II.

Địa chỉ: Tổ 4, đường Hùng Vương, thị trấn Bát Xát, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

(theo quyết định số 2966/QĐ-NHNo-PC và Quyết định số 2965/ QĐ-NHNo-PC cùng ngày 27/12/2019 của Ngân hàng N Việt Nam v/v ủy quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của người đại diện theo pháp luật và Ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án).

Người được ủy quyền lại: Ông Phí Ngọc Sỹ - Phó giám đốc Ngân hàng N Việt Nam chi nhánh huyện Bát Xát, Lào Cai II.

(theo giấy ủy quyền số 47/NHNo.UQ lập ngày 28/8/2020). Có mặt.

2. Bị đơn:

- Ông Đinh Văn Tĩnh;

Địa chỉ: Đội 13 (Thôn An Quang), xã Quang Kim, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

- Bà Phạm Thị Phương;

Địa chỉ: Đội 13 (Thôn An Quang), xã Quang Kim, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Vàng Xúi Din; Bà Nguyễn Thị Hương; Chị Trần Thị Thu Nga; Anh Nguyễn Phương Nam; Chị Đinh Thị Quyên; Anh Nguyễn Ngọc Phẩm; Ông Đinh Xuân Uyển; Anh Vũ Văn Tuấn; Chị Nguyễn Thanh Lương; Anh Đinh Quốc Huy; Anh Đinh Đức Mạnh;

Cùng địa chỉ: Thôn An Quang, xã Quang Kim, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

- Chị Vũ Thị Lan;

Địa chỉ: Thôn An Quang, xã Quang Kim, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai; Có mặt.

- Anh Nguyễn Đình Tuấn;

Địa chỉ: Tổ dân phố số 9, Đình Thôn, Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Đình Tuấn: Chị Vũ Thị Lan; địa chỉ: Thôn An Quang, xã Quang Kim, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai; (theo giấy ủy quyền lập ngày 13/8/2020).

- Ủy ban nhân dân xã Quang Kim, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Tâm - Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vàng Văn Dương – Chức vụ Phó Chủ tịch.(theo văn bản ủy quyền ngày 02/12/2020).

QUYẾT ĐỊNH

Sửa chữa bổ sung bản án số 07/2020/DS - ST ngày 03/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai như sau:

Tại dòng thứ 1 trang 10 từ dưới lên của bản án đã ghi: “tín dụng năm 2010; Điều 106; 108; 109; 128; 342; 343; 411; 471; 474; 476; 715; 717; 721”.

Nay sửa chữa như sau : “tín dụng năm 2010; Điều 106; 108; 109; 128; 342; 343; 411; 471; 474; 476; 715; 717”.

Tại dòng thứ 2 trang 11 từ trên xuống của bản án đã ghi: “Điều 157; Điều 158; Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015”.

Nay sửa chữa như sau “Điều 157; Điều 158; Điều 212 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015”

Tại dòng thứ 18, 19, 20 trang 14 từ trên xuống của bản án đã ghi: “ Ngân hàng tổng cộng cả gốc và lãi đến ngày 24/9/2020 là 367.135.417 đồng (ba trăm sáu mươi bảy triệu một trăm ba mươi năm nghìn bốn trăm mười bảy đồng) theo hợp đồng tín dụng số 8803LAV20180 1442/HĐTD ngày 06/9/2018”.

Nay sửa chữa như sau: “Ngân hàng tổng cộng cả gốc và lãi đến ngày 24/9/2020 là 367.135.417 đồng (ba trăm sáu mươi bảy triệu một trăm ba mươi năm nghìn bốn trăm mười bảy đồng) và tiền lãi đến khi xét xử sơ thẩm, theo hợp đồng tín dụng số 8803LAV20180 1442/HĐTD ngày 06/9/2018”.

Nơi nhận:

- TA; VKS tỉnh Lào Cai;
- VKSND H. Bát Xát;
- Đường sự (17);
- THA DS.
- Lưu TA, VP, HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Duy Chiến

